



# CHỐNG LẠM PHÁT Ở VIỆT NAM: TÌM ĐÚNG NGUYÊN NHÂN MỚI CÓ GIẢI PHÁP TÍCH CỰC

NGUYỄN ĐÌNH THỌ \*

*Kiểm chế lạm phát để ổn định kinh tế ở nước ta đang là vấn đề bức xúc. Lạm phát đang diễn ra do nhiều nguyên nhân, trong đó, đặc biệt quan trọng là nguyên nhân tỷ giá, là yếu tố phản ánh biến động kinh tế cả trong nước và quốc tế. Trên cơ sở nhấn mạnh định lượng về lạm phát, tác giả đã kiến nghị một số giải pháp để góp phần kiểm chế lạm phát ở nước ta.*

**L**AM phát không chỉ gây ra rối loạn kinh tế, ngừng trệ sản xuất, và bóp méo hoạt động phân bổ nguồn lực xã hội, mà còn ảnh hưởng trực tiếp tới thu nhập của mọi tầng lớp nhân dân, ảnh hưởng trực tiếp tới cuộc sống của người nghèo và người có thu nhập thấp trong xã hội, do thu nhập không thay đổi kịp với tốc độ thay đổi giá. Lạm phát giá lương thực có thể xóa tan thành quả công cuộc xóa đói, giảm nghèo trong nhiều năm qua của các nước đang phát triển trên thế giới.

Lạm phát là một vấn đề phức tạp và phụ thuộc vào nhiều yếu tố kinh tế vĩ mô. Chính vì vậy, việc nghiên cứu nguyên nhân và tìm kiếm các biện pháp đối phó với lạm phát luôn thu hút các nhà kinh tế thế giới và là công việc thường niên của chính phủ các nước. Trong bối cảnh lạm phát tăng cao, việc nghiên cứu tìm nguyên nhân và biện pháp để giải quyết lạm phát ở Việt Nam là một việc hết sức cấp thiết. Việc nghiên cứu định lượng để tìm ra nguyên nhân và lời giải cho bài toán lạm phát ở Việt Nam sẽ giúp chúng ta nhanh chóng ổn định kinh tế vĩ mô, đưa nền kinh tế quay trở lại guồng tăng trưởng.

## 1 - Chế độ tỷ giá hiện hành là nguyên nhân cơ bản của lạm phát ở Việt Nam

Năm 2007, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục đà tăng trưởng ấn tượng đạt 8,48%, cao hơn mức trung bình 5 năm giai đoạn 2003 - 2007 (8%/năm), là một trong những nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trên thế giới. Tuy nhiên, vào những tháng cuối năm 2007 và đầu năm 2008, cùng với đà suy thoái kinh tế thế giới, đồng USD mất giá, giá dầu thô tăng cao, giá cả lương thực và nguyên nhiên vật liệu tăng đột biến cộng với tác động của thiên tai, dịch bệnh đã làm cho nền kinh tế Việt Nam bộc lộ những nhược điểm cố hữu của một nền kinh tế đang trong quá trình chuyển đổi.

Trong các báo cáo gần đây, Chính phủ đã chỉ ra được hầu hết những nguyên nhân gây ra những yếu kém kinh tế trong thời kỳ này. Cụ thể là, "cơ cấu kinh tế chậm cải thiện; công nghiệp khai thác tài nguyên và gia công vẫn chiếm tỷ trọng lớn, công nghiệp phụ trợ chậm phát triển, phần lớn vật tư,

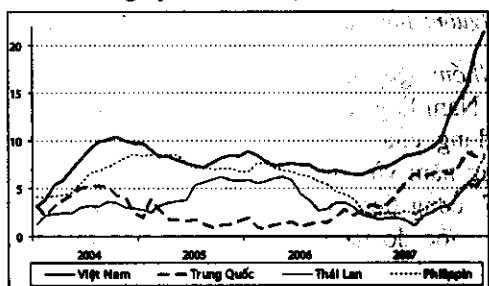
\* TS, Đại học Ngoại thương Hà Nội

nguyên liệu trung gian cho sản xuất phải nhập khẩu; giá trị gia tăng sản xuất công nghiệp thấp. Tình trạng đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước vẫn còn dãn trải, không bảo đảm tiến độ, còn nhiều thất thoát, hiệu quả thấp... kéo dài, chậm được khắc phục. Quản lý tài chính, tiền tệ, thị trường, giá cả, xuất nhập khẩu chưa chặt chẽ. Công tác dự báo và dự kiến các biện pháp, kế hoạch ứng phó với những tác động tiêu cực của kinh tế thế giới trong điều kiện hội nhập chưa được quan tâm đúng mức; các cơ quan nghiên cứu, tham mưu của Đảng và Nhà nước phát hiện tình hình còn chậm; khi tình huống xảy ra, do chưa có kinh nghiệm và chủ động trong việc ứng phó nên chỉ đạo, xử lý của một số ngành chức năng có lúc còn lúng túng, chưa kịp thời, thiếu phối hợp đồng bộ, thiếu linh hoạt. Có chính sách, giải pháp chưa tạo được sự đồng thuận cao trong xã hội."<sup>(1)</sup>

Chỉ ra được nguyên nhân, nhưng chúng ta vẫn lúng túng trong điều hành ổn định kinh tế vĩ mô là do chưa có một đánh giá định lượng cụ thể để lượng hóa tác động của các nhân tố ảnh hưởng tới các biến số kinh tế vĩ mô, từ đó sử dụng các công cụ chính sách phù hợp để điều hành nền kinh tế.

Vấn đề là lượng hóa các nhân tố cơ bản nhất ảnh hưởng tới tình hình lạm phát ở Việt Nam hiện nay và đề xuất công cụ phù hợp để đối phó với lạm phát trong hoàn cảnh hiện tại. Các phân tích dưới đây sẽ chỉ ra rằng những nhược điểm của một chế độ tỷ giá neo với đồng USD và mất cân đối cơ cấu kinh tế gây ra tình trạng "thất cổ chai" là nguyên nhân cơ bản của lạm phát.

Hình 1. Lạm phát của Việt Nam và các nước (% so với cùng kỳ năm trước)



Nguồn: ADB, Tổng cục Thống kê các nước

Lạm phát trong kinh tế học được hiểu là sự tăng giá chung. Lạm phát thường có nguyên nhân từ tiền tệ do ngân hàng nhà nước cung ứng quá nhiều tiền trong lưu thông. Lạm phát cũng có thể có

nguyên nhân từ việc tăng giá do cầu tăng mạnh đột biến lớn hơn khả năng sản xuất của nền kinh tế tạo ra lạm phát do cầu kéo. Chi phí sản xuất gia tăng cũng đẩy giá hàng hóa lên cao tạo ra lạm phát do chi phí đẩy. Có thể nói lạm phát ở Việt Nam hiện nay hội tụ đủ các nguyên nhân do cả cầu kéo lẫn chi phí đẩy và tiền tệ.

Nhóm nguyên nhân thứ nhất có nguồn gốc từ các yếu tố bên trong của nền kinh tế. Tốc độ tăng trưởng kinh tế ổn định trong nhiều năm qua và việc Việt Nam gia nhập WTO đầu năm 2007 đã tạo thêm động lực phát triển cho nền kinh tế. Sự mở rộng mạnh mẽ của nhu cầu chi tiêu, đầu tư tư nhân và công cộng là nhân tố làm cho tổng cầu tăng nóng. Tổng đầu tư của toàn xã hội năm 2007 khoảng 493,6 nghìn tỉ đồng, chiếm 43% GDP với số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài được phê duyệt đạt 21,3 tỉ USD và vốn thực hiện đạt 6,4 tỉ USD, cao hơn 77% so với năm 2006. Tổng chi ngân sách nhà nước đạt 399,3 nghìn tỉ đồng, vượt khoảng 11,7% so với dự toán năm. Bộ chi ngân sách nhà nước 56,5 nghìn tỉ đồng, bằng 4,95% GDP. Thâm hụt cán cân thương mại là 14,12 tỉ USD, bằng 29% tổng kim ngạch xuất khẩu, tăng gấp hơn 2,5 lần so với năm 2006<sup>(2)</sup>. Tổng cầu tăng nóng vượt quá khả năng của một nền kinh tế còn tồn tại nhiều vấn đề "thất cổ chai" liên quan tới hạ tầng kinh tế, xã hội và pháp luật đã làm gia tăng áp lực lạm phát. Tuy nhiên, cần phải nhìn nhận việc gia tăng đầu tư nước ngoài và đầu tư công vào kết cấu hạ tầng tạo cơ hội nhiều hơn thách thức, góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế và giải quyết các vấn đề "thất cổ chai", tạo đà phát triển bền vững trong dài hạn.

Nhóm nguyên nhân thứ hai có nguồn gốc từ các yếu tố bên ngoài, đó là giá cả các loại hàng hóa trên thế giới đã tăng nhanh, tỷ lệ nghịch với sự mất giá danh nghĩa của đồng USD đẩy mạnh bằng giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào, đặc biệt là dầu thô, lên cao gấp 2 đến 3 lần so với năm 2003. Giá dầu lửa đã tăng từ 53,4 USD/thùng tháng 1-2007 lên 89,4 USD/thùng tháng 12-2007, và đạt đỉnh mới 125,96 USD/thùng vào ngày 9-5-2008. Tốc độ

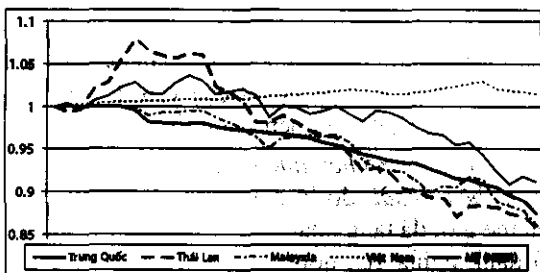
(1) Trích "Bộ Chính trị kết luận về tình hình lạm phát", <http://www2.vietnamnet.vn/chinhtri/2008/04/776861/>

(2) Báo cáo bổ sung Tình hình kinh tế - xã hội năm 2007 và triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2008 (Tài liệu báo cáo tại phiên họp Chính phủ ngày 27 và 28-2-2008)

tăng giá năng lượng, đặc biệt là giá lương thực trong nửa cuối năm 2007 và đầu năm 2008 là nguyên nhân dẫn tới tình trạng lạm phát trên diện rộng ở tất cả các nước trên thế giới. Đến cuối năm 2007, lạm phát so với cùng kỳ năm trước của Việt Nam là 12,63% và đến tháng 4-2008, tỷ lệ này đã là 21,42%. Nhìn vào hình 1, có thể nhận thấy tỷ lệ lạm phát của Việt Nam luôn cao hơn gấp đôi mức lạm phát của một số nước trong khu vực.

Tác động của lạm phát do chi phí đẩy ở Việt Nam thường cao hơn gấp đôi các nước khác trong khu vực là do Việt Nam thực thi chính sách neo giá đồng nội tệ với USD<sup>(3)</sup>. Các nước trong khu vực như Ma-lai-xi-a và Thái Lan theo đuổi chính sách thả nổi có điều tiết đồng nội tệ và đã điều chỉnh lên giá nội tệ theo giá trị danh nghĩa của đồng USD trong thời gian qua. Kể cả Trung Quốc là nước có nhiều điểm tương đồng với Việt Nam trong việc thực thi chính sách tỷ giá cũng đã điều chỉnh lên giá danh nghĩa nội tệ trong thời gian qua. Kết quả là, trong khoảng thời gian từ tháng 1-2004 đến nay, đồng Việt Nam có xu hướng mất giá danh nghĩa, trong khi đồng tiền của các nước khác trong khu vực có xu hướng lên giá danh nghĩa so với đồng USD.

Hình 2. Biến động tỷ giá danh nghĩa so với USD (1-2005 - 1-2008; 1-2005=1)



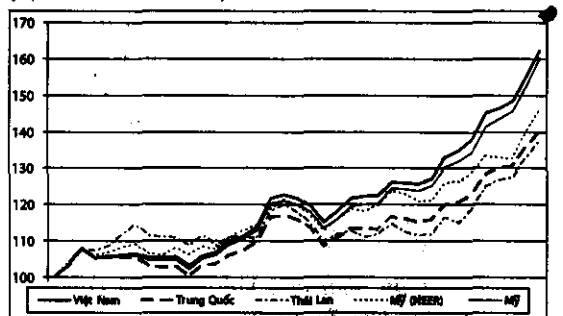
Nguồn: Tác giả tính toán dựa trên số liệu của IMF

Giá hàng hóa, nguyên liệu trên thế giới tăng mạnh trong thời gian gần đây là do tăng trưởng cầu thế giới tăng nhanh hơn tốc độ tăng cung với bằng chứng là lượng hàng tồn kho hàng hóa nguyên liệu giảm mạnh. Đồng USD mất giá danh nghĩa làm cho giá hàng hóa tính theo đồng tiền khác như EUR, GBP giảm tương đối và càng khuyến khích cầu. Bên cạnh đó, các quỹ đầu tư trên thế giới gia tăng mua hàng hóa để phòng vệ rủi ro mất giá USD. Kết quả là giá hàng hóa nguyên liệu tăng lên

cao hơn mức bình thường, tăng do tăng cầu và tăng do USD mất giá.

Các nước trong khu vực có điều chỉnh nâng giá nội tệ tương ứng với mức mất giá danh nghĩa của Mỹ (do bằng chỉ số tỷ giá hiệu lực danh nghĩa NEER) sẽ điều chỉnh giảm được tác động tăng giá do mất giá đồng USD. Hình 3 minh họa mức biến động giá lương thực theo nội tệ của các nước so với giá danh nghĩa của đồng USD và tỷ giá hiệu lực danh nghĩa (NEER). Có thể nhận thấy, giá lương thực thế giới tính theo VNĐ cao hơn mức giá tính theo USD do đồng Việt Nam mất giá so với USD. Giá lương thực theo bạc (Thái Lan) và nhân dân tệ (Trung Quốc) còn có phần rẻ hơn mức tỷ giá hiệu lực danh nghĩa (NEER) của Mỹ. Chính nhờ chính sách tỷ giá linh hoạt, Thái Lan và Trung Quốc giảm được tác động sốc giá lương thực từ nước ngoài. Việt Nam thi hành chính sách neo tỷ giá và vì vậy đã nhập khẩu lạm phát giá lương thực theo USD. Đây có thể là nguyên nhân chính làm cho lạm phát ở Việt Nam cao hơn các nước trong khu vực.

Hình 3. Biến động giá lương thực tính theo nội tệ (1-2005 - 1-2008)



Nguồn: Tác giả tính toán dựa trên số liệu của IMF

Nhóm nguyên nhân tiếp theo gây ra lạm phát ở Việt Nam là yếu tố tiền tệ với tốc độ tăng trưởng tín dụng của Việt Nam tăng quá nhanh trong những năm vừa qua. Trong ba năm từ 2005 đến 2007, cung tiền tăng 135% nhưng GDP chỉ tăng 27%. Tốc độ tăng tổng phương tiện thanh toán

(3) Mặc dù Việt Nam tuyên bố sử dụng chính sách tỷ giá linh hoạt, trên thực tế có thể nhận thấy chính sách tỷ giá hiện tại thiên về tỷ giá cố định neo đồng nội tệ với giá trị của đồng USD. Kể từ 1-1-2005, IMF đã xếp lại chế độ tỷ giá của Việt Nam từ chế độ thả nổi có quản lý sang chế độ tỷ giá neo giá trị nội tệ với một ngoại tệ



hành chính sách thắt chặt tiền tệ trong những tháng đầu năm 2008 thông qua điều chỉnh tỷ lệ dự trữ bắt buộc, điều chỉnh lãi suất cơ bản, lãi suất tái chiết khấu và phát hành tín phiếu bắt buộc nhằm thu hút bớt tiền từ lưu thông về, giảm áp lực đối với lạm phát, kiểm soát quy mô tăng trưởng tín dụng bậc lộ nhiều vấn đề có tính hệ thống, cơ cấu, đe dọa sự ổn định của hệ thống tài chính.

Cần phải xác định xem lạm phát có nguyên nhân từ vấn đề tiền tệ hay không, nếu có thì ở mức độ như thế nào, và quá trình can thiệp của Chính phủ phải diễn ra bao lâu. Việc thắt chặt tín dụng đột ngột trong những tháng đầu năm đã gây sốc cho hệ thống tài chính, đặt hệ thống tài chính trước nguy cơ khủng hoảng, và nền kinh tế có thể rơi vào tình trạng đình trệ, suy thoái. Nghiên cứu lạm phát ở Việt Nam cần chỉ ra khi nào có thể sử dụng công cụ tiền tệ, khi nào cần phải giải quyết vấn đề cơ cấu.

Bảng 1. Chỉ số lạm phát giá tiêu dùng và chỉ số lạm phát "cơ bản"

	2006	2007	2007 (Quý III)	2007 (Quý IV)	Q2-2008
<b>Chỉ số lạm phát giá tiêu dùng (headline inflation)</b>					
Việt Nam	7,4	8,3	8,6	10,7	15,7
	Đóng góp của tăng giá lương thực vào CPI				
	3,7	4,8	5,1	6,7	10,8
Trung Quốc	1,5	4,8	6,2	6,7	8,7
Thái Lan	4,6	2,2	1,6	2,9	5,4
Phi-lip-pin	6,2	2,8	2,5	3,3	5,4
<b>Chỉ số lạm phát "cốt lõi" ("core" inflation)</b>					
Trung Quốc	0,8	0,9	0,8	0,6	0,1
Thái Lan	2,3	1	0,7	0,5	0,5
Phi-lip-pin	5,6	0	2,8	2,4	0,4

Nguồn: East Asia & Pacific Update (4-2008)

Bảng 1 chỉ ra rằng, gia tăng lạm phát trong thời gian gần đây chủ yếu là do tăng giá lương thực theo diễn biến chung trên thế giới. Nguyên nhân làm cho lạm phát ở Việt Nam cao hơn nước ngoài là do chế độ tỷ giá bất lợi làm cho Việt Nam phải "nhập khẩu lạm phát" giá lương thực tính theo

USD, và làm khuếch đại mức tăng giá cả lương thực tương đối so với các nước khác.

Trùng phạt hệ thống tài chính, ngân hàng bằng các công cụ hành chính sẽ không giải quyết được vấn đề lạm phát phi tiền tệ. Hiện nay, các nước trên thế giới thường sử dụng thêm chỉ số lạm phát cơ bản (core inflation), là chỉ số lạm phát loại bỏ các nhân tố biến động lớn như giá lương thực và năng lượng, để giám sát các nhân tố lạm phát có nguyên gốc tiền tệ. Khi chỉ số lạm phát cơ bản nằm trong giới hạn kỳ vọng, mà chỉ số giá tiêu dùng vẫn tăng cao do các nhân tố phi tiền tệ thì cần phải có biện pháp điều chỉnh cơ cấu.

Việc chuyển dần từ điều hành chính sách tiền tệ theo lượng cung ứng tiền tệ sang khuôn khổ chính sách tiền tệ đạt mục tiêu lạm phát sẽ giúp minh bạch hóa chính sách tiền tệ. Chính sách tỷ giá cần phải linh hoạt có quản lý dựa trên một giỏ tiền tệ chứ không chỉ gắn với duy nhất USD, đồng thời đa dạng hóa dự trữ ngoại hối để tránh rủi ro mất giá đồng USD. Chính phủ cần nhanh chóng cải thiện hệ thống thông tin dự báo kinh tế vĩ mô và công bố công khai, minh bạch. Cần có sự phối hợp nghiên cứu với các nhà khoa học để tìm giải pháp và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan trong điều hành chính sách. Xác định mục tiêu cụ thể có thứ tự ưu tiên, tránh tham vọng đạt được tất cả các mục tiêu rồi cuối cùng không hoàn thành mục tiêu nào. Xây dựng cơ chế giám sát, điều hành chính sách tiền tệ và thị trường tài chính.

Việc tăng giá các mặt hàng thiết yếu như xăng dầu, thực phẩm cần phải được cân nhắc kỹ lưỡng thời điểm và phân tích tác động đối với lạm phát. Cần có các pháp ổn định giá xăng dầu, lương thực và nguyên liệu khác trong một khoảng thời gian từ 6 tháng đến 1 năm thông qua các biện pháp quản lý rủi ro như phòng vệ giá xăng dầu, sử dụng các hợp đồng kỳ hạn, quyền chọn hoặc hoán đổi.

Kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô phải được xác định là mục tiêu ưu tiên hàng đầu trong giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên, việc kiềm chế lạm phát cần được thực hiện có lộ trình, minh bạch, để ngân hàng và các tổ chức tín dụng có cơ hội chuẩn bị, tránh gây sốc cho hệ thống tài chính ngân hàng như trong thời gian vừa qua có thể đẩy nguy cơ khủng hoảng toàn hệ thống lên cao. □